

## THUYẾT MINH

### DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ MỨC CHI CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Dự thảo nghị quyết được xây dựng trên cơ sở áp dụng Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chỉ tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội theo ý kiến của Bộ Tài chính tại Văn bản số 16561/BTC- HCSN ngày 27 tháng 11 năm 2012 về định mức chi tiêu của Hội đồng nhân dân. Đồng thời tham khảo quy định về mức chi của HĐND các tỉnh ở Miền Bắc, Tây nguyên, Miền Đông và Miền Nam. Cụ thể như sau:

#### 1. SO SÁNH MỨC CHI THEO NGHỊ QUYẾT 13 CỦA HĐND TỈNH KON TUM VỚI MỨC CHI THEO NGHỊ QUYẾT 524 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI VÀ CỦA CÁC TỈNH, THÀNH THAM KHẢO.

TT	Mức chi theo Nghị quyết 13/2017/NQ-HĐND	Mức chi của Trung ương theo Nghị quyết 524 của BTVQH	Mức chi các tỉnh, thành phố	Đề nghị sửa đổi
	<b>Điều 3. Chi cho công tác thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết... trình kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh</b>			
1	Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết ( <i>không phải là văn bản quy phạm pháp luật</i> ) trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo hoặc dự thảo nghị quyết.	3.000.000 – 5.000.000 đồng/báo cáo	Gia Lai: Không quy định; Vũng Tàu: 500.000 đồng/văn bản; Đắk Nông: 500.000 đồng/văn bản; Quảng Ninh: 1.500.000 đồng/ng nghị quyết; Bến Tre: 500.000 đồng/văn bản; Bình Phước: 500.000 đồng/báo cáo; Bắc Giang: 2.000.000 đồng/báo cáo.	Giữ nguyên theo NQ 13
2.	<i>“2. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, tờ trình...thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét</i>	3.000.000 – 5.000.000 đồng/báo cáo	Gia Lai: Không quy định; Vũng Tàu: 500.000 đồng/văn bản; Đắk Nông: 400.000/văn bản; Quảng	Giữ nguyên theo NQ 13

	<i>cho ý kiến, quyết định giữa 02 (hai) kỳ họp: 500.000 đồng/văn bản”. <b>Đã được sửa bởi Nghị quyết số 35/2020</b>, cụ thể: “2. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, tờ trình...thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cho ý kiến, quyết định: 500.000 đồng/văn bản”.</i>		Ninh: 1.500.000 đồng/nghị quyết; Bến Tre: Không quy định; Bình Phước: 500.000 đồng/báo cáo; Bắc Giang: 2.000.000 đồng/báo cáo.	
3.	Chi xây dựng văn bản góp ý kiến về nội dung thẩm tra: 200.000 đồng/văn bản.	800.000 đồng/báo cáo.	Các tỉnh không có quy định	<b>Bỏ nội dung này</b>
4.	Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra			
a	Chủ trì: 150.000 đồng/cuộc	200.000 đồng/người/buổi	Gia Lai: 170.000 đồng/buổi; Vũng Tàu: 200.000 đồng/buổi; Đắk Nông: 200.000 đồng/buổi; Quảng Ninh: 200.000 đồng/buổi; Bến Tre: 200.000 đồng/buổi; Bình Phước: 300.000 đồng/buổi; Bắc Giang: 200.000 đồng/buổi.	Đề nghị thay <b>“cuộc” thành “buổi”</b> vì 7 tỉnh trên đều tính trên buổi và trong Nghị quyết số 524/2012/UBTV QH về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội cũng quy định là buổi)
b	Đại biểu tham dự: 100.000 đồng/người/cuộc	100.000 đồng/người/buổi	Gia Lai: 120.000 đồng/buổi; Vũng Tàu: 150.000 đồng/buổi; Đắk Nông: 150.000 đồng/buổi; Quảng Ninh: 200.000 đồng/buổi; Bến Tre: 100.000 đồng/buổi; Bình Phước: 150.000 đồng/buổi; Bắc Giang: 100.000 đồng/buổi.	như trên
	<b>Điều 4. Chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc Hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức</b>			

1.	Chi cuộc họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức (theo chỉ đạo của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội) để lấy ý kiến tham gia vào các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mức chi như sau:			
a)	Chủ trì: 150.000 đồng/ buổi.	200.000 đồng/người/ buổi	Gia Lai: Không quy định; Vũng Tàu: Không quy định; Đắk Nông: 150.000 đồng/buổi; Quảng Ninh: Không quy định; Bến Tre: 150.000 đồng/người/cuộc; Bình Phước: 300.000 đồng/người/cuộc; Bắc Giang: 200.000 đồng/buổi.	Đã tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, cá nhân là 150.000 đồng/ buổi.
b)	Đại biểu tham dự: 100.000 đồng/người/ buổi.	100.000 đồng/người/ buổi	Gia Lai: Không quy định; Vũng Tàu: Không quy định; Đắk Nông: 100.000 đồng/buổi; Quảng Ninh: Không quy định; Bến Tre: 100.000 đồng/người/ cuộc; Bình Phước: 120.000 đồng/người/cuộc; Bắc Giang: 100.000 đồng/buổi.	Giữ nguyên theo NQ 13
2.	Chi soạn thảo báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo Nghị quyết: 500.000 đồng/báo cáo	500.000 đồng/báo cáo/dự án	Gia Lai: Không quy định; Vũng Tàu: Không quy định; Đắk Nông: 300.000 đồng/báo cáo; Quảng Ninh: Không quy định; Bến Tre: 800.000 đồng/báo cáo; Bình Phước: 400.000 đồng/báo cáo; Bắc Giang: 800.000 đồng/báo cáo.	Đã tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, cá nhân
	<b>Điều 5. Chi cho công tác giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh</b>			
1	Chi xây dựng văn bản			

a	Chi cho việc xây dựng kế hoạch giám sát chuyên đề, kế hoạch khảo sát ( <i>Bao gồm cả Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát, Quyết định thành lập Đoàn giám sát, kế hoạch, đề cương</i> ): 2.000.000 đồng/chuyên đề	4.000.000/ nghị quyết, đề cương	Gia Lai: 2.000.000 đồng/văn bản; Vũng Tàu: 1.000.000 đồng/văn bản; Đăk Nông: 500.000 đồng/bộ; Quảng Ninh: 2.000.000 đồng/văn bản (khảo sát 1.000.000đ); Bến Tre: 4.500.000 đồng/văn bản (kể cả báo cáo kết quả giám sát); Bình Phước: 500.000 đồng/văn bản; Bắc Giang: 2.000.000 đồng/văn bản.	Giữ nguyên theo NQ 13
b	Chi cho việc xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giám sát: 2.500.000 đồng/báo cáo	3.000.000 – 5.000.000 đồng/báo cáo	Gia Lai: 3.000.000 đồng/báo cáo; Vũng Tàu: 1.000.000 đồng/báo cáo; Đăk Nông: 500.000 đồng/báo cáo; Quảng Ninh: 4.000.000 đồng/văn bản bản; Bình Phước: 500.000 đồng/báo cáo; Bắc Giang: 3.000.000 đồng/báo cáo.	Giữ nguyên theo NQ 13
c	Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát: 1.200.000 đồng/báo cáo	1.200.000 – 2.000.000 đồng/báo cáo	Gia Lai: 3.000.000 đồng/báo cáo; Vũng Tàu: 500.000 đồng/báo cáo; Đăk Nông: 500.000 đồng/báo cáo; Quảng Ninh: 2.000.000 đồng/báo cáo; Bến Tre: 2.000.000 đồng/báo cáo (kể cả kế hoạch, đề cương); Bình Phước: 500.000 đồng/báo cáo; Bắc Giang: 2.000.000 đồng/báo cáo.	Giữ nguyên theo NQ 13
d	Chi cho việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về vấn đề được giám sát ( <i>giám sát chuyên đề, chất vấn, giải quyết kiến nghị cử tri</i> ): 2.500.000 đồng/ dự thảo Nghị quyết	3.000.000 – 5.000.000 đồng/báo cáo của QH; 2.000.000 – 4.000.000	Gia Lai: 10.000.000 đồng/nghị quyết; Vũng Tàu: 1.000.000 đồng/nghị quyết; Đăk Nông: : 400.000 đồng/nghị quyết; Quảng Ninh: 5.000.000 đồng/văn bản; Bền Tre: 800.000 đồng/báo cáo; Bình Phước: 400.000 đồng/nghị quyết;	Giữ nguyên theo NQ 13

		đồng/báo cáo của UBND	Bắc Giang: 2.000.000 đồng/nghị quyết.	
2	Chi bồi dưỡng cho Đoàn giám sát, khảo sát như sau			
a	Trưởng đoàn: 150.000 đồng/buổi	200.000 đồng/người/buổi	Gia Lai: 120.000 đồng/buổi; Vũng Tàu: 200.000 đồng/buổi; Đắk Nông: 150.000 đồng/buổi; Quảng Ninh: 200.000 đồng/buổi; Bến Tre: 200.000 đồng/buổi; Bình Phước: 300.000 đồng/buổi; Bắc Giang: 200.000 đồng/buổi.	Giữ nguyên theo NQ 13
b	Thành viên của Đoàn: 100.000 đồng/người/buổi	100.000 đồng/người/buổi	Gia Lai: 80.000 đồng/buổi; Vũng Tàu: 150.000 đồng/buổi; Đắk Nông: 100.000 đồng/buổi; Quảng Ninh: 200.000 đồng/buổi; Bến Tre: 100.000 đồng/buổi; Bình Phước: 150.000 đồng/buổi; Bắc Giang: 100.000 đồng/buổi.	Giữ nguyên theo NQ 13
c	Công chức, người lao động phục vụ: 80.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi	Gia Lai: 60.000 đồng/buổi; Vũng Tàu: 80.000 đồng/buổi; Đắk Nông: 100.000 đồng/buổi; Quảng Ninh: 100.000 đồng/buổi; Bến Tre: không quy định; Bình Phước: không quy định; Bắc Giang: 70.000 đồng/buổi.	Giữ nguyên theo NQ 13
	<b>Điều 6. Chi tiếp xúc cử tri theo chương trình tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân tỉnh</b>			
1	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định, thực hiện khoản chi tiếp xúc cử tri với mức chi như sau			
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 4.000.000 đồng/người/năm	7.000.000 đồng/người/năm	Gia Lai: 4.500.000 đồng/người/năm; Vũng Tàu: 150.000 đồng/buổi; Đắk Nông: 5.000.000 đồng/người/năm; Quảng	Giữ nguyên theo NQ 13

			Ninh: 4.500.000 đồng/người/năm; Bến Tre: không quy định; Bình Phước: 150.000 đồng/ngày; Bắc Giang: 200.000 đồng/buổi.	
b	Công chức, người lao động phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi	500.000/đợt tiếp xúc cử tri	Gia Lai: 60.000 đồng/buổi; Vũng Tàu: không quy định; Đắk Nông: 100.000 đồng/buổi; Quảng Ninh: 100.000 đồng/buổi; Bến Tre: không quy định; Bình Phước: không quy định; Bắc Giang: 100.000 đồng/buổi.	Giữ nguyên theo NQ 13
2	Chi xây dựng viết báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri			
a	Báo cáo của từng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo	300.000 đồng/báo cáo/nhóm	Gia Lai: 570.000 đồng/báo cáo; Vũng Tàu: 300.000 đồng/báo cáo; Đắk Nông: không quy định; Quảng Ninh: không quy định; Bến Tre: không quy định; Bình Phước: 400.000 đồng/báo cáo; Bắc Giang: 1.000.000 đồng/báo cáo.	Giữ nguyên theo NQ 13
b	Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình Hội đồng nhân dân tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo	500.000 đồng/báo cáo/cả Đoàn	Gia Lai: 570.000 đồng/báo cáo; Vũng Tàu: 500.000 đồng/báo cáo; Đắk Nông: 2.00.000 đồng/báo cáo; Quảng Ninh: không quy định; Bến Tre: không quy định; Bình Phước: 400.000 đồng/báo cáo; 1.000.000 đồng/báo cáo.	Giữ nguyên theo NQ 13
	<b>Điều 7. Chi công tác xã hội</b>			
1	Chế độ quà tặng đối với các đối tượng chính sách nhân dịp lễ, tết. Các đối tượng chính sách gồm: Gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương, bệnh			

	binh, gia đình liệt sỹ, cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945; các cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai... và các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như: Trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú; các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới... khi đoàn của Hội đồng nhân dân tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà, mức giá trị quà tặng cho mỗi lần thăm hỏi được quy định cụ thể như sau			
a	Đối với dịp tết, dịp lễ: Xử lý chung theo chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh		Gia Lai: 3.000.000 đồng/tập thể, 2.000.000 đồng/người; Vũng Tàu: 5.000.000 đồng/tập thể, 1.000.000 đồng/cá nhân; Đắk Nông: 2.000.000 đồng/tập thể, 1.000.000 đồng/cá nhân; Quảng Ninh: 5.000.000 đồng/tập thể, 1.000.000 đồng/cá nhân; Bến Tre: 2.000.000 đồng/tập thể, 1.000.000 đồng/cá nhân; Bình Phước: Không quy định; Bắc Giang: Không quy định.	Bỏ nội dung này theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.
b	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tặng quà cho tập thể, cá nhân theo kế hoạch, chương trình công tác và thanh toán theo thực tế. Số quà do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.	Chủ tịch QH, Phó Chủ tịch QH theo kế hoạch, chương trình công tác	Không quy định	Bỏ nội dung này theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.
c	Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tặng quà cho Tập thể: 3.000.000 đồng/lần; Cá nhân: 800.000 đồng/lần.	Ủy viên TVQH, Chủ nhiệm các Ủy ban: 6tr đồng/lần/tập thể; 1tr đồng/cá nhân	Không quy định	Bỏ nội dung này theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

2.	Chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất			
a	Chi tiền thăm hỏi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; các vị nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi ốm đau nằm viện ( <i>không quá 02 lần/người/năm</i> ): 1.000.000 đồng/người/lần	1.000.000 đồng/người/lần	Gia Lai: 1.000.000 đồng ( <i>đại biểu đương nhiệm</i> ), 500.000 đồng ( <i>các vị nguyên là Thường trực, Trưởng Ban, Phó Ban, CVP, Phó CVP</i> ); Vũng Tàu: 1.000.000 đồng ( <i>đại biểu đương nhiệm; các đại biểu nguyên là lãnh đạo Thường trực, lãnh đạo chuyên trách các Ban</i> ); Đắk Nông: 1.000.000 đồng; Quảng Ninh: 1.000.000 đồng ( <i>đại biểu đương nhiệm</i> ); Bến Tre: 1.000.000 đồng; Bình Phước: 1.000.000 đồng; Bắc Giang: 1.000.000 đồng.	Giữ nguyên theo NQ 13
b	Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi bị bệnh hiểm nghèo được trợ cấp ( <i>không quá 02 lần/người /năm</i> ): 3.000.000 đồng/người/lần	5.000.000 đồng/người/lần	Gia Lai: 3.000.000 đồng ( <i>đại biểu đương nhiệm</i> ), 1.000.000 đồng ( <i>các vị nguyên là Thường trực, Trưởng Ban, Phó Ban, CVP, Phó CVP</i> ); Vũng Tàu: 5.000.000 đồng ( <i>đại biểu đương nhiệm</i> ), 3.000.000 đồng ( <i>các đại biểu nguyên là lãnh đạo Thường trực, lãnh đạo chuyên trách các Ban</i> ); Đắk Nông: 2.000.000 đồng; Quảng Ninh: 5.000.000 đồng; Bến Tre: 5.000.000 đồng; Bình Phước: 4.000.000 đồng; Bắc Giang: 5.000.000 đồng.	Giữ nguyên theo NQ 13
c	Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ ( <i>chồng</i> ), vợ ( <i>chồng</i> ), con của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, của	2.000.000 đồng	- <b>Các tỉnh khác:</b> Gia Lai: 2.000.000 đồng; Vũng Tàu: 5.000.000 đồng ( <i>đại biểu đương nhiệm</i> ), 3.000.000 đồng ( <i>các đại biểu nguyên là lãnh</i>	Giữ nguyên theo NQ 13



	nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi từ trần thì gia đình được thăm viếng: 2.000.000 đồng/lần		<i>đạo Thường trực, lãnh đạo chuyên trách các Ban</i> ), 2.000.000 đồng ( <i>thân nhân</i> ); <b>Đăk Nông</b> : bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp đó chi trả từ ngân sách nhà nước, 1.500.000 đồng ( <i>thân nhân</i> ); Quảng Ninh: 2.000.000 đồng ( <i>đại biểu</i> ), 1.000.000 đồng ( <i>thân nhân</i> ); Bến Tre: 2.000.000; Bình Phước: 1.500.000 đồng; Bắc Giang: 2.000.000 đồng ( <i>đại biểu</i> ), 1.500.000 đồng ( <i>thân nhân</i> ).	
d	Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được hỗ trợ tiền khám sức khỏe định kỳ: 2.000.000 đồng/người/năm. Riêng năm chuyển giao giữa 02 nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hưởng mức chi bằng 50% mức quy định	5.000.000 đồng/người/năm	Gia Lai: 3.000.000 đồng; Vũng Tàu: 1.000.000 đồng; Đăk Nông: Không quy định; Quảng Ninh: 5.000.000 đồng; Bến Tre: 4.000.000 đồng; Bình Phước: Không quy định; Bắc Giang: 5.000.000 đồng.	Giữ nguyên theo NQ 13
đ	Chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất đối với công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh đương nhiệm và nghỉ hưu được áp dụng như các điểm a, b, c khoản 2 Điều này	Áp dụng như đại biểu Quốc hội	Không quy định	Giữ nguyên theo NQ 13
<b>Điều 8. Chế độ chi hỗ trợ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh</b>				
1	Một nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tiền may 02 bộ trang phục ( <i>lễ phục</i> ): 3.000.000 đồng/người/bộ	5.000.000 đồng/người/bộ	Gia Lai: 5.000.000 đồng/người/bộ; Vũng Tàu: 10.000.000 đồng/người/bộ; Đăk Nông: 6.000.000 đồng/ người/nhiệm kỳ; Quảng Ninh: 5.000.000 đồng/người/bộ; Bến Tre: 10.000.000 đồng/ người/ nhiệm kỳ;	Giữ nguyên theo NQ 13

			Bình Phước: 5.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ; Bắc Giang: 5.000.000 đồng/người/bộ.	
2	Các tài liệu của đại biểu được cấp: Công báo, Báo Nhân dân, Báo địa phương, Báo Người đại biểu nhân dân, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, phí khai thác Internet được cấp theo mức khoán ( <i>không cần hóa đơn</i> ): 500.000 đồng/người/tháng	1.000.000 đồng/người/tháng	Gia Lai: 500.000 đồng/người/tháng; Vũng Tàu: 750.000 đồng/người/tháng; Đắk Nông: 200.000 đồng/người/tháng; Quảng Ninh: 200.000 đồng/người/tháng; Bến Tre: 400.000 đồng/người/tháng; Bình Phước: 200.000 đồng/người/tháng; Bắc Giang ( <i>bao gồm cả khoản 3 Điều 8</i> ): 1.000.000 đồng ( <i>ĐB chuyên trách</i> ), 500.000 đồng ( <i>ĐB kiêm nhiệm</i> ).	Giữ nguyên theo NQ 13
3	Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được chi hỗ trợ nghiên cứu tài liệu kỳ họp Hội đồng nhân dân: 2.000.000 đồng/đại biểu/năm. Riêng năm chuyên giao giữa 02 nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hưởng mức chi bằng 50% mức quy định.		Gia Lai: không quy định; Vũng Tàu: 1.200.000 đồng; Quảng Ninh: không quy định, Bến Tre: không quy định; Bình Phước: không quy định; Bắc Giang: 1.000.000 đồng ( <i>ĐB chuyên trách</i> ), 500.000 đồng ( <i>ĐB kiêm nhiệm</i> ).	Giữ nguyên theo NQ 13
4	<b>Được bổ sung bởi Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND:</b> 4. Khoản chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện việc tự in ấn tài liệu các kỳ họp HĐND tỉnh như sau:			
a	Đối với Kỳ họp thường lệ: 1.400.000 đồng/01 đại biểu/01 kỳ họp.	Không quy định	Không quy định	Giữ nguyên theo NQ 13
b	Đối với Kỳ họp bất thường: 200.000 đồng/01 đại biểu/01 kỳ họp.	Không quy định	Không quy định	Giữ nguyên theo NQ 13 và sửa kỳ họp bất thường thành chuyên đề
	<b>Điều 9. Chi bồi dưỡng cho đại biểu tham dự và người phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân, Hội nghị tổng</b>	Đã được bãi bỏ bởi Nghị quyết		Đề nghị giữ nguyên như Điều

	<b>kết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh, các Hội nghị do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức (theo thực tế)</b>	số 61/2019/NQ- HĐND		9 vì Nghị quyết 524 của BTVQH có quy định nội dung này.
1	1. Đại biểu tham dự (đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu mời): 100.000 đồng/ngày/người	150.000 đồng/người/ buổi	Gia Lai: 230.000 đồng/ngày (ĐB HĐND), 170.000 đồng/ngày (ĐB khách mời); Vũng Tàu: không quy định; Đắk Nông: 150.000 đồng/người/buổi (ĐB HĐND, ĐB mời, công chức phục vụ trực tiếp); Quảng Ninh: 300.000 đồng/ngày; Bến Tre: 150.000 đồng/buổi (100.000 đồng/buổi ĐB khách mời); Bình Phước: 150.000 đồng/buổi; Bắc Giang: 200.000 đồng/ngày.	Giữ nguyên theo NQ 13
2	Công chức, người lao động phục vụ: 80.000 đồng/người/ngày.	100.000 đồng/người/ buổi	Gia Lai: 80.000 đồng/người/ngày; Vũng Tàu: không quy định; Đắk Nông: 100.000 đồng/người/buổi; Quảng Ninh: 200.000 đồng/ngày; Bến Tre: 90.000 đồng/người/buổi; Bình Phước: 150.000 đồng/người/ngày; Bắc Giang: 150.000 đồng/ngày.	Giữ nguyên theo NQ 13
	<b>Điều 10. Một số chế độ chi khác</b>			
1	Chi quà tặng cho cá nhân, cơ quan, tổ chức ngoài tỉnh: Quà tặng được sử dụng khi các đoàn của Hội đồng nhân dân tỉnh đi công tác ngoài tỉnh hoặc các đoàn khách trong nước đến thăm và làm việc với Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh. Chi tặng quà phải được dự toán trong kinh phí hoạt động hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh. Mức	Theo kế hoạch, chương trình công tác	Gia Lai: 3.000.000 đồng/đoàn; Vũng Tàu: Không quy định; Đắk Nông: 5.000.000 đồng/xuất quà; Quảng Ninh: Không quy định; Bến Tre: 2.500.000 đồng/đoàn; Bình	Giữ nguyên theo NQ 13

	chi quà tặng đối với mỗi đoàn đến Kon Tum hoặc mỗi tỉnh mà Đoàn của Hội đồng nhân dân tỉnh đến công tác như sau ( <i>Đoàn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tặng quà trị giá bằng tiền</i> ): 2.000.000 đồng/đoàn		Phước: Không quy định; Bắc Giang: Không quy định.	
2.	Chế độ may trang phục: Mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân tỉnh công chức, người lao động của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tiền may 01 ( <i>một</i> ) bộ trang phục ( <i>lễ phục</i> ), mức chi cụ thể như sau	5.000.000 đồng/người/bộ	Gia Lai: 3.000.000 đồng/người/bộ; Vũng Tàu: 14.000.000 đồng/người/2bộ; Đắk Nông: 3.000.000 đồng/ người/nhiệm kỳ; Quảng Ninh: 4.000.000 đồng/người/bộ; Bến Tre: 2.000.000 đồng/ người/ nhiệm kỳ; Bình Phước: Không quy định; Bắc Giang: 5.000.000 đồng/người/bộ.	3.000.000đồng/ người/bộ
a	Lãnh đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh		Quy định chung công chức, người lao động của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	
b	Công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh.		Quy định chung công chức, người lao động của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	

## 2. NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỈNH KON TUM KHÔNG CÓ, NGHỊ QUYẾT 524 CỦA UBND QUỐC HỘI VÀ CÁC TỈNH CÓ VÀ ĐỀ XUẤT CỦA VĂN PHÒNG

STT	Nội dung chi	Mức chi của Trung ương theo Nghị quyết 524 của BTVQH	Mức chi các tỉnh, thành phố	Đề xuất của Văn phòng
-----	--------------	--	-----------------------------	-----------------------

<b>I</b>	<b>Khoán kinh phí</b>			
1	Khoán kinh phí hoạt động cho Tổ đại biểu HĐND tỉnh để thực hiện hoạt động giám sát, khảo sát theo quy định.	Không quy định	Gia Lai: 2.000.000 Đồng/đại biểu/năm; Vũng Tàu: không quy định; Đắk Nông: không quy định; Quảng Ninh: từ 20tr đến 40tr/tổ; Bến Tre: không quy định; Bình Phước: không quy định; Bắc Giang: 20.000.000 đồng/tổ/năm.	Thực hiện như các tỉnh và bằng Gia Lai (2.000.000 đồng/đại biểu/năm)
<b>II</b>	<b>Chi xây dựng các báo cáo, văn bản phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh</b>			
1	Chi xây dựng bài phát biểu khai mạc, bế mạc, dự kiến chương trình kỳ họp, tổng hợp thảo luận của các Tổ, gợi ý thảo luận, biên bản kỳ họp, thông báo kết quả kỳ họp.	Không quy định	Gia Lai: 800.000 đồng/văn bản; Vũng Tàu: không quy định; Đắk Nông: không quy định; Quảng Ninh: 1.500.000 đồng/văn bản; Bến Tre: 600.000 đồng/văn bản; Bình Phước: 400.000 đồng/báo cáo; Bắc Giang: từ 500.000 đồng/văn bản đến 2.000.000 đồng/văn bản.	Thực hiện như các tỉnh và bằng Gia Lai (800.000 Đồng/văn bản)
2	Chi xây dựng báo cáo của Thường trực và các Ban của HĐND tỉnh	3.000.000 – 5.000.000 đồng/báo cáo	Gia Lai: 800.000 đồng/văn bản; Vũng Tàu: không quy định; Đắk Nông: 800.000 đồng/văn bản; Quảng Ninh: 1.500.000 đồng/văn bản; Bến Tre: 1.000.000 đồng/văn bản; Bình Phước: 500.000 đồng/báo cáo; Bắc Giang: 1.000.000 đồng/báo cáo.	Thực hiện như các tỉnh và bằng Gia Lai (800.000 Đồng/văn bản)
3	Chi xây dựng nghị quyết do Thường trực HĐND tỉnh trình (trừ nghị quyết về nhân sự).		Gia Lai: chi theo Thông tư 338/2016/TT-BTC; Vũng Tàu: 1.000.000/văn bản; Đắk Nông: 400.000/văn bản; Quảng Ninh: 1.500.000 đồng/văn bản; Bến Tre: 1.000.000 đồng/văn bản; Bình Phước: 400.000 đồng/ng nghị quyết; Bắc Giang: 2.000.000 đồng/ng nghị quyết.	Thực hiện như các tỉnh và bằng Vũng Tàu, Bến tre, Bắc Giang (1.000.000 Đồng/ng nghị quyết)

III	Chi tổ chức các cuộc họp, phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh			
1	Chi bồi dưỡng Chủ trì cuộc họp, phiên họp.	150.000 Đồng/người/ buổi	Gia Lai: 170.000 đồng/buổi; Vũng Tàu: 200.000 đồng/buổi (Đảng đoàn); Đắk Nông: 200.000 đồng/buổi; Quảng Ninh: không quy định; Bến Tre: 200.000 đồng/buổi; Bình Phước: 300.000 đồng/ngày; Bắc Giang: 200.000 đồng/buổi.	Đã tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, cá nhân là 150.000 đồng/ buổi.
2	Chi bồi dưỡng thành viên dự họp	100.000 Đồng/người/ buổi	Gia Lai: 120.000 đồng/buổi; Vũng Tàu: 150.000 đồng/buổi (Đảng đoàn); Đắk Nông: 150.000 đồng/buổi; Quảng Ninh: không quy định; Bến Tre: 100.000 đồng/buổi; Bình Phước: 150.000 đồng/ngày; Bắc Giang: 100.000 đồng/buổi.	Như trên
3	Công chức, người lao động phục vụ cuộc họp, phiên họp	Không quy định	Gia Lai: 80.000 đồng/buổi; Vũng Tàu: 150.000 đồng/buổi (Đảng đoàn); Đắk Nông: 150.000 đồng/buổi; Quảng Ninh: không quy định; Bến Tre: không quy định; Bình Phước: không quy định; Bắc Giang: 70.000 đồng/buổi.	Thực hiện như các tỉnh và bằng Gia Lai (80.000 Đồng/người/buổi)
4	Chi soạn thảo các văn bản phục vụ các cuộc họp, phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo định kỳ, báo cáo tổng hợp, thông báo kết luận, nghị quyết ...).	3.000.000- 5.000.000 Đồng/văn bản	Gia Lai: 800.000/văn bản; Vũng Tàu: 500.000/văn bản (Đảng đoàn); Đắk Nông: không quy định; Quảng Ninh: 1.500.000 đồng/văn bản (chỉ cho chất vấn và giải trình); Bến Tre: không quy định; Bình Phước: 500.000 đồng/báo cáo; Bắc Giang: 1.000.000 đồng/báo cáo.	Thực hiện như các tỉnh và bằng Gia Lai (800.000/báo cáo)